

# CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

---

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Tháng 07 năm 2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>73.364.810.777</b>	<b>71.750.828.155</b>
1. Tiền	111		5.254.954.805	1.082.906.633
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>636.870.510</b>	<b>28.025.646.543</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		579.436.000	25.727.417.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.500.000	2.677.940.693
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		54.934.510	570.288.850
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			(950.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>63.956.512.893</b>	<b>40.760.000.000</b>
1. Hàng tồn kho	141		63.956.512.893	40.760.000.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.516.472.569</b>	<b>1.882.274.979</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.960.026	25.840.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.484.512.543	1.856.434.076
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.922.199.930</b>	<b>3.922.199.930</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		3.922.199.930	3.922.199.930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.03</b>	<b>2.613.843.013</b>	<b>2.788.096.879</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.613.843.013	2.788.096.879

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**


Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam


- Nguyên giá	222		3.485.124.014	4.519.685.561
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(871.281.001)	(1.731.588.682)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	227			
- Nguyên giá	228			130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			(130.909.127)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.04</b>		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>79.900.853.720</b>	<b>78.461.124.964</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>23.318.602.465</b>	<b>51.251.511.544</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>V.05</b>	<b>23.318.602.465</b>	<b>51.251.511.544</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.875.831.572	39.581.783.537
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.872.834.423	3.633.031.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		246.222.586	189.559.901
4. Phải trả người lao động	314		178.200.104	177.163.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		15.000.000	220.300.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		69.539.193	62.697.874
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			7.326.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.974.587	60.974.587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			


**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	<b>V.06</b>			
7. Phải trả dài hạn khác	337				
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338				
9. Trái phiếu chuyển đổi	339				
10. Cổ phiếu ưu đãi	340				
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341				
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342				
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343				
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>V.07</b>	<b>56.582.251.255</b>	<b>27.209.613.420</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>			<b>56.582.251.255</b>	<b>27.209.613.420</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b				
2. Thặng dư vốn cổ phần	412				
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413				
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414				
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415				
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416				
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417				
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.863.107.311		2.863.107.311	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419				
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420				
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	32.622.924.727		3.835.939.897	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	3.835.939.897		(7.452.386.452)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	28.786.984.830		11.288.326.349	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422				
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.096.219.217		510.566.212	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>				
1. Nguồn kinh phí	431				
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432				
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>79.900.853.720</b>	<b>78.461.124.964</b>	

  
Đỗ Thị Oanh  
Người lập biểu

  
Phạm Thị Minh Thư  
Kế toán trưởng

  
**Đặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 07 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH  
QUÝ II NĂM 2018**Đơn vị tính:  
VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II năm 2018	Quý II năm 2017	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	52.510.290.193	4.213.181.818	53.832.140.860	6.899.135.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>52.510.290.193</b>	<b>4.213.181.818</b>	<b>53.832.140.860</b>	<b>6.899.135.689</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	22.221.095.040	2.836.188.706	22.894.889.807	4.175.313.079
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>30.289.195.153</b>	<b>1.376.993.112</b>	<b>30.937.251.053</b>	<b>2.723.822.610</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	185.063	57.907	394.739	1.862.571
7. Chi phí tài chính	22	VI.05				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25		7.855.000	70.693.453	19.108.910	89.282.453
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		771.606.105	728.208.679	1.398.081.588	1.668.437.184
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (25+26))</b>	<b>30</b>		<b>29.509.919.111</b>	<b>578.148.887</b>	<b>29.520.455.294</b>	<b>967.965.544</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.04				
13. Chi phí khác	32		206.038	25.099.900	206.038	25.099.900
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-206.038</b>	<b>-25.099.900</b>	<b>-206.038</b>	<b>-25.099.900</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>29.509.713.073</b>	<b>553.048.987</b>	<b>29.520.249.256</b>	<b>942.865.644</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		138.774.299	59.390.453	147.611.421	59.390.453
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>29.370.938.774</b>	<b>493.658.534</b>	<b>29.372.637.835</b>	<b>883.475.191</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		28.785.285.769	493.658.534	28.786.984.830	883.475.191
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		585.653.005		585.653.005	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.06	14.393		14.393	
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Đỗ Thị Oanh  
Người lập biểu



Phạm Thị Minh Thu  
Kê toán trưởng



Đặng Quang Nam  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 07 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B03- DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**QUÝ II/2018**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81.193.064.758	11.884.150.546
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-63.607.246.099	-3.728.120.337
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-1.027.533.854	-1430.438.485
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-188.538.500	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-66.402.411	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.779.254.886	544.373.042
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-4.654.550.608	-8.072.474.675
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.428.048.172</b>	<b>-802.509.909</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		14.465.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-21.791.000.000	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-3.930.000.000	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-11.256.000.000</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.172.048.172</b>	<b>-802.509.909</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.082.906.633	4.110.079.765
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	VII 34	<b>5.254.954.805</b>	<b>3.307.569.856</b>

Đỗ Thị Oanh  
Người lập biểu

Phạm Thị Minh Thư  
Kế toán trưởng

Đặng Quang Nam  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 07 năm 2018



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** Kinh doanh hàng hóa thương mại
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Các Công ty con:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ	Số 108, Phố Cầu Đất, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	98%	98%
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Nha Trang	Số 2, Đường 653B, Tổ 6, Thị trấn Khánh Vĩnh, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	98%	98%
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	98%

#### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

##### 2. Tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

---

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê, Bất động sản đầu tư**

##### **a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05

#### **6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

9. **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**  
**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức**  
**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**  
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

10. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

**c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

11. **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

12. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất

nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**14. Tài sản tài chính**

***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**15. Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

***Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

***Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính***

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản trong đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.711.267.484	78.182.184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.543.687.321	1.004.724.449
<b>Cộng</b>	<b><u>5.254.954.805</u></b>	<b><u>1.082.906.633</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>579.436.000</b>	-	<b>25.727.417.000</b>	<b>500.000.000</b>
Công ty cổ phần Deltech	402.735.000	-	5.638.290.000	-
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Thụy	89.243.000	-	-	-
Bệnh Viện Đại Học Y Hà Nội	81.565.000	-	-	-
Công ty Cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Phú Thọ	-	-	10.248.050.000	-
Công ty Cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ	-	-	3.936.500.000	-
Công ty Cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Nha Trang	-	-	4.725.000.000	-
Các khách hàng khác	5.893.000	-	1.179.577.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>579.436.000</u></b>	<b>-</b>	<b><u>25.727.417.000</u></b>	<b><u>500.000.000</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>2.500.000</b>	-	<b>2.677.940.693</b>	<b>450.000.000</b>
P.T Meditegra teknologi	-	-	1.746.816.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn kiến trúc đô thị UAC	-	-	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Phú Thọ	-	-	462.124.693	-
Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam	2.500.000	-	19.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.500.000</u></b>	<b>-</b>	<b><u>2.677.940.693</u></b>	<b><u>450.000.000</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>54.934.510</b>	-	<b>570.288.850</b>	-
Tạm ứng	4.337.350	-	570.288.850	-
Ký cược, ký quỹ	50.597.160	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>54.934.510</b>	-	<b>570.288.850</b>	-

**b) Dài hạn**

Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất trên” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	63.956.512.893	-	40.760.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>63.956.512.893</b>	-	<b>40.760.000.000</b>	-

**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn			Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Máy móc và thiết bị				
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3.692.906.129	317.059.632	509.719.800	4.519.685.561	
Giảm khác	(207.782.115)	(317.059.632)	(509.719.800)	(1.034.561.547)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.485.124.014</b>	-	-	<b>3.485.124.014</b>	
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	904.809.250	317.059.632	509.719.800	1.731.588.682	
Khấu hao trong kỳ	174.256.200	-	-	174.256.200	
Giảm khác	(207.784.449)	(317.059.632)	(509.719.800)	(1.034.563.881)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>871.281.001</b>	-	-	<b>871.281.001</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	2.788.096.879	-	-	2.788.096.879	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.613.843.013</b>	-	-	<b>2.613.843.013</b>	

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí CCDC	13.374.989	25.840.903
Chi phí thuê văn phòng	11.085.037	-
Chi phí khác	7.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>31.960.026</b>	<b>25.840.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b><i>1.875.831.572</i></b>	<b><i>39.581.783.537</i></b>
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	-	8.562.756.710
Công ty Cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Nha Trang	-	6.055.000.000
Công ty Cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ	-	12.255.000.000
Công ty Cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Phú Thọ	-	11.780.000.000
P.T Meditegra teknologi	813.743.925	-
Công Ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Y Sinh	229.055.000	-
Trường Đại học CNTT - ĐHQG TP.HCM	423.712.527	423.712.527
Công ty TNHH đầu tư TM và DV Vạn Cường	265.500.000	265.500.000
Các nhà cung cấp khác	143.820.120	239.814.300
<b>Cộng</b>	<b><u>1.875.831.572</u></b>	<b><u>39.581.783.537</u></b>

**9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b><i>20.872.834.423</i></b>	<b><i>3.633.031.825</i></b>
JWB.,CO	8.334.603.946	913.745.424
Nishumura medical instrument co.,LTD	12.538.230.477	2.453.673.633
Các khách hàng khác	-	265.612.768
<b>Cộng</b>	<b><u>20.872.834.423</u></b>	<b><u>3.633.031.825</u></b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	107.145.501	124.961.323	(154.845.620)	77.261.204
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	79.993	(79.993)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.565.289	147.611.421	(66.402.411)	138.774.299
Thuế thu nhập cá nhân	24.849.111	37.617.709	(32.279.737)	30.187.083
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>189.559.901</u></b>	<b><u>319.270.446</u></b>	<b><u>(262.607.761)</u></b>	<b><u>246.222.586</u></b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán phần mềm	Không chịu thuế
- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế	5%
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>15.000.000</i>	<i>220.300.000</i>
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	15.000.000	220.300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.000.000</u></b>	<b><u>220.300.000</u></b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>69.539.193</i>	<i>62.697.874</i>
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	45.857.351	40.841.725
Bảo hiểm y tế	7.041.957	6.139.142
Bảo hiểm thất nghiệp	2.969.250	2.568.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.062.062	3.540.434
<b>Cộng</b>	<b><u>69.539.193</u></b>	<b><u>62.697.874</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35 BT5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

**13. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	2.863.107.311	(7.452.386.452)	-	15.410.720.859
Tăng trong năm trước	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	11.288.326.349	210.566.212	11.498.892.561
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.863.107.311</b>	<b>3.835.939.897</b>	<b>510.566.212</b>	<b>27.209.613.420</b>
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	2.863.107.311	3.835.939.897	510.566.212	27.209.613.420
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	28.786.984.830	585.653.005	29.372.637.835
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.863.107.311</b>	<b>32.622.924.727</b>	<b>1.096.219.217</b>	<b>56.582.251.255</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

**14. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	950.000.000	-
<i>Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy</i>	500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần tư vấn kiến trúc đô thị UAC</i>	450.000.000	-

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>
Doanh thu bán hàng hóa	53.112.140.860	720.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	720.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.832.140.860</b>	<b>720.000.000</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	22.894.889.807	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.894.889.807</b>	<b>0</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>
Lãi tiền gửi	394.739	394.739
<b>Cộng</b>	<b>394.739</b>	<b>394.739</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.108.910	19.108.910
<b>Cộng</b>	<b>19.108.910</b>	<b>19.108.910</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	1.063.267.666	1.063.267.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.562.639	7.562.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.256.200	174.256.200
Thuế, phí và lệ phí	18.898.184	18.898.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.310.166	121.310.166
Các chi phí khác	12.786.733	12.786.733

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b>Năm nay</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.398.081.588</b>
<b>6. Chi phí khác</b>	
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b>Năm nay</b>
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	206.038
<b>Cộng</b>	<b>206.038</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:	
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b>Năm nay</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.520.249.256
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	206.038
- Các khoản điều chỉnh tăng	206.038
<i>Phạt nộp chậm thuế, bảo hiểm</i>	206.038
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
<i>Cổ tức được nhận từ công ty con</i>	-
Thu nhập tính thuế	738.057.104
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>147.611.421</b>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>147.611.421</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	
	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b>Năm nay</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.786.984.830
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.786.984.830
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>14.393</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự số 35 BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, P.Hoàng Liệt, Quận, Hoàng Mai, TP Hà Nội

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>2.000.000</u></b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.562.639
Chi phí nhân công	1.063.267.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	174.256.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	159.317.260
Chi phí khác	12.786.733
<b>Cộng</b>	<b><u>1.417.190.498</u></b>



**Đỗ Thị Oanh**  
Người lập biểu



**Phạm Thị Minh Thư**  
Kế toán trưởng



**Đặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 7 năm 2018